TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/6/2022
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo Nguyên và bà Trần Thị Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Vương Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc:*"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy D, sinh năm 1991; nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lương Văn H, sinh năm 1989; nơi ĐKHKTT và địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn X, xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/02/2022 chị Lê Thị Thùy D trình bày:

Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 09/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế, anh Lương Văn H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 10/2017 đến nay chưa về Việt Nam. Thời gian đầu anh H còn liên lạc, nhưng về sau giữa hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể dung hòa, vợ chồng không liên lạc gì với nhau, nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D xin ly hôn anh Lương Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015. Nếu ly hôn chị Lê Thị Thùy D có nguyện

vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D, chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về thông tin xuất cảnh của anh Lương Văn H: Theo xác nhận của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Quảng Trị tại công văn số 287/PA08(Đ1) ngày 07/03/2022 thì anh Lương Văn H xuất cảnh ra nước ngoài lần gần nhất là ngày 02/6/2019 qua Sân bay quốc tế Nội Bài đến nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án phải tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn H thông qua người thân của anh H là ông Lương Văn X và bà Nguyễn Thị M (là bố mẹ đẻ của anh H); hiện trú tại: Thôn X, xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.

Tại biên bản làm việc ngày 11/5/2022, ông Lương Văn X và bà Nguyễn Thị M (là bố mẹ đẻ của anh H) trình bày ý kiến:

Anh Lương Văn H là con đẻ của ông Lương Văn X và bà Nguyễn Thị M, có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh là ở tại Thôn X, xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, anh H đang lao động tại nước ngoài; mặc dù anh H có liên lạc với gia đình thông qua Zalo, Facebook và điện thoại nhưng ông X và bà M không biết và không được anh H cung cấp địa chỉ nơi sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Vợ chồng anh H và chị D có 01 con chung là cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015, hiện tại cháu D đang do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và đã chụp hình gửi qua Zalo và thông báo cho anh H biết việc chị D có đơn xin ly hôn và TAND tỉnh Quảng Trị đang thụ lý giải quyết vụ việc. Anh H có ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Do lâu ngày vợ chồng không liên lạc, hỏi thăm gì nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, anh Lương Văn H đồng ý ly hôn chị Lê Thị Thùy D;

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015, anh Lương Văn H đồng ý giao cháu D cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị trình bày ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Lương Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015 cho chị Lê Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ngày 21/02/2022, chị Lê Thị Thùy D có đơn khởi kiện xin ly hôn đối với anh Lương Văn H; tại thời điểm này anh H đã xuất cảnh, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị D và người thân của anh H không cung cấp được địa chỉ nơi sinh sống, làm việc ở nước ngoài của anh H. Tuy nhiên, anh H vẫn hay liên lạc với gia đình thông qua điện thoại và mạng xã hội. Anh H đã được người thân thông tin về việc chị D khởi kiện xin ly hôn và vụ việc đang do TAND tỉnh Quảng Trị giải quyết nhưng vẫn không có ý kiến bằng văn bản, không cung cấp địa chỉ nơi làm việc, cư trú nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của TAND tối cao về việc: *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lương Văn H vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được; Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, nhưng phiên tòa ngày 30/5/2022 anh H vắng mặt lần thứ nhất mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên Hội đồng xét xử Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định lại phiên tòa được xét xử lại vào ngày 09/6/2022 (theo đúng kế hoạch giải quyết vụ án đã thông báo

trước cho anh H). Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập anh H đến phiên tòa ngày 09/6/2022 thông qua người thân là bố đẻ của anh H. Ngày 25/5/2022, nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh H vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn chị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D và bị đơn anh Lương Văn H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 09/12/2014 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gio Linh. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh H là hợp pháp. Nay chị Lê Thị Thùy D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lương Văn H, nên Tòa án căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS để xem xét giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thùy D, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa chị D và anh H có thời gian chung sống hạnh phúc gần 05 năm. Tuy nhiên, từ khi anh H đi xuất khẩu lao động năm 2019, vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, thời gian dài vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, anh H không về thăm gia đình dẫn đến hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy D để xem xét cho chị D được ly hôn đối với anh Lương Văn H.

[3]. Về con chung: Chị Lê Thị Thùy D và anh Lương Văn H có 01 con chung là cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015. Chị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu D nếu vợ chồng ly hôn. Xét thấy, từ khi anh H đi xuất khẩu lao động đến nay, cháu D do chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; cháu D hiện đang sinh sống ổn định, học tập tại địa bàn xã G, huyện Gio Linh (nơi chị D sinh sống) và cháu D có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Do hiện tại anh H đang ở nước ngoài, không có mặt tại địa phương nên không đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị Lê Thị Thùy D hiện đang ở tại địa phương, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D của chị D là có cơ sở. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị D giao các cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015 cho chị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau này khi anh H về nước nếu có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc con chung thì có quyền gửi đơn đến TAND có thẩm quyền để xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D không yêu cầu anh Lương Văn H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Thùy D được ly hôn với anh Lương Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Lê Kỳ D, sinh ngày 01/6/2015 cho chị Lê Thị Thùy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Lương Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp được giao nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thùy D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số CC/2021/0000078 ngày 29/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị (chị D đã nộp đủ án phí).

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, bị đơn anh Lương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã G;
- Tổ HCTP;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Trung